

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HS-ST
Ngày 19-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 175/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình T, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 91/11 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; bị cáo có 01 em sinh năm 1990; có vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và 02 người con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

2. Lê Đình T1, sinh năm 1976 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 73 Trần Nguyên Hãn, khu phố T, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Đình H và bà Trịnh Thị T1, không rõ năm sinh; có vợ tên Ngô Thị T2, sinh năm 1981 và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

3. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn Q, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 19/39 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 và bà Lê Thị H, sinh năm 1960; bị cáo có hai anh em, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1990; có vợ tên Trần Thị B, sinh năm 1985 và 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

4. Trần Văn L, sinh năm 1968 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 139/14A đường số 9, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ 81 khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Giữ xe; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có 04 anh em; có vợ tên Võ Thị V, sinh năm 1970 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

5. Trịnh Quảng T2, sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 14A/1 Nguyễn Hiền, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Quang N và bà Thiều Thị V, không rõ năm sinh; bị cáo có 03 anh em; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

6. Lê Văn Đ, sinh năm 1961 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 25A/17 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Mai Thị K (đã chết); bị cáo có 02 anh em, lớn sinh năm 1957, nhỏ sinh năm 1963; có vợ tên Lê Thị D, sinh năm 1963 và 03 người con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2018 đến ngày 28/02/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

7. Lê Văn T3, sinh năm 1963 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: 17/10 khu phố T, phường D, thị xã A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Mai Thị K (đã chết); bị cáo có 02 anh em, lớn sinh năm 1957, nhỏ sinh năm 1961; có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; có hai con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 19/02/2018, bị cáo Lê Đình T1 đến nhà bị cáo Lê Đình T địa chỉ khu phố Lợi, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương chơi. Nhà bị cáo Tùng có 01 bộ bài Tây trong phòng khách cả hai rủ nhau chơi bài đánh bài cào tổ ăn tiền, lúc này các bị cáo Trịnh Quảng T2, Nguyễn Văn Hợp, Trần Văn Lâm, Lê Văn

Định cũng đến nhà bị cáo T và cùng đánh bạc. Mỗi ván thắng thua từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Quá trình đánh bạc bị cáo Lê Văn T3 có tham gia đánh thế cho bị cáo T hai ván khi T đi vệ sinh. Đến 11 giờ 20 phút, cùng ngày, lực lượng Công an thị xã Dĩ An phát hiện, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc cụ thể: Lê Đình T sử dụng 1.400.000 đồng, thắng 550.000 đồng, thu giữ trong người 1.400.000 đồng, trên chiếu bạc 550.000 đồng; Lê Đình T1 sử dụng 3.000.000 đồng, thắng 310.000 đồng, thu giữ trong người 3.000.000 đồng, trên chiếu bạc 310.000 đồng; Trịnh Quảng T2 sử dụng 840.000 đồng thua hết; Lê Văn Đ sử dụng 150.000 đồng, thua 40.000 đồng, thu giữ trong người 100.000 đồng, trên chiếu bạc 10.000 đồng; Nguyễn Văn H sử dụng 1.700.000 đồng, thua 1.580.000 đồng, thu giữ trong người 60.000 đồng, trên chiếu bạc 60.000 đồng; Trần Văn L sử dụng 700.000 đồng, thắng 1.600.000 đồng, thu trên chiếu bạc 2.300.000 đồng; Lê Văn T3 tham gia đánh bạc giùm cho T 02 ván và thua 20.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 7.790.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 Bộ bài Tây và số tiền 7.790.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 184/CT-VKS ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Đình T, Lê Đình T1, Trịnh Quảng T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Lê Văn Đ và Lê Văn T3 về Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 58 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt mỗi bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã tóm tắt nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 19/02/2018, tại nhà bị cáo Lê Đình T, địa chỉ 91/11 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Đình T, Lê Đình T1, Trịnh Quảng T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Lê Văn Đ sử dụng bộ bài Tây để đánh bạc thắng thua bằng tiền. Hình thức đánh bài cào tổ, mỗi ván thắng thua từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Bị cáo Lê Văn T3 tham gia đánh

bạc thay cho bị cáo T hai ván. Đến 11 giờ 20 phút, cùng ngày các bị cáo bị Công an phường D phát hiện bắt quả tang và thu giữ được 01 Bộ bài Tây cùng số tiền 7.790.000 đồng.

Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định: 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...

Như vậy hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức cào tố thắng thua bằng tiền đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 184/CT-VKS ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc nhằm tước đoạt tiền của nhau là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo cùng trực tiếp tham gia đánh bạc nên đều có vai trò là người thực hành. Tuy nhiên, cần căn cứ vào quá trình chơi và số tiền của từng bị cáo sử dụng vào đánh bạc để xem xét khi quyết định hình phạt cho phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1 có cha mẹ là người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt thể hiện có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo không cần cách

ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã D, tỉnh Bình Dương. Xét mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thị xã D đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 7.790.000 đồng các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét 01 bộ bài Tây các bị cáo sử dụng làm công cụ để đánh bạc, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đình T, Lê Đình T1, Trịnh Quảng T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Lê Văn Đ và Lê Văn T3 phạm Tội đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình T số tiền 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trịnh Quảng T2 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Lê Văn T3 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình T2 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a và b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b và c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.790.000 đồng (Bảy triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài Tây 52 lá.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật và biên lai thu tiền số 00828 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đình T, Lê Đình T1, Trịnh Quảng T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Lê Văn Đ và Lê Văn T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà